

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HSST
Ngày 31 - 8 - 2023

N H Â N D A N H
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Ông Cao Trung Kiên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngát - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xử số: 49/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn S, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Đức N (đã chết); Con bà Phạm Thị O, sinh năm: 1947; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 7/6/2023 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn T, sinh năm: 1965; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Bùi Văn B (đã chết); Con bà Vũ Thị L, sinh năm: 1936; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Lưu Thị T1, sinh năm: 1972; Con: có 4 con: lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2007; Nhân thân: Ngày 18/11/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Gá bạc”; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn R, sinh năm: 1950; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công Giáo; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn T2 (đã chết); Con bà Vũ Thị M (đã chết); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Vũ Thị Đ (đã chết); Con: có 5 con: lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1991; Nhân thân: Ngày 20/12/1975 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Hà tuyên phạt 4 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 25/6/1985 có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản riêng của công dân, công an huyện Hải Hậu tập trung cải tạo; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/12/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Văn P, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn H (đã chết); Con bà Bùi Thị L1, sinh năm: 1948; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ: Phạm Thị Đ1, sinh năm: 1975; Con: có 4 con: lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2021; Nhân thân: Ngày 30/6/1997 Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xử 12 tháng tù về tội “Cướp tài sản công dân”; Ngày 30/7/1997 Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh xử phạt 03 tháng tù về tội Đánh bạc; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bùi Văn P1, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Bùi Văn H (đã chết); Con bà: Bùi Thị L1, sinh năm: 1948; Gia đình có 06 anh chị em. Bị cáo là thứ năm; Vợ: Đỗ Thị S, sinh năm: 1983; Con: có 3 con: lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 8/02/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Bùi Minh Q, sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Minh N (đã chết); Con bà Trần Thị B, sinh năm: 1961; Gia đình có 02 chị em. Bị cáo là thứ hai; Vợ, con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 8/2/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Bùi Văn T2, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn B (đã chết); Con bà Vũ Thị L, sinh năm: 1936; Gia đình có 04 anh chị em. Bị cáo là thứ ba; Vợ : Trần Thị H1, sinh năm: 1980; Con: có ba con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự:

Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 8/2/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Bùi Thị G, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Bùi Văn B (đã chết); Con bà Vũ Thị L, sinh năm: 1936; Gia đình có 04 anh chị em; Bị cáo là thứ tư; Chồng: Phạm Văn M, sinh năm: 1974; Con: có hai con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 8/2/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Phạm Văn M1, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn T3 (đã chết); Con bà Bùi Thị L (đã chết); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Trần Thị H1, sinh năm: 1972; Con: có hai con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 8/2/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Phạm Văn S:* Bà Phạm Thị O, sinh năm 1947. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn S:* Ông Lê Ngọc V - Văn phòng Luật sư Văn & Minh – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30 và ngày 31/01/2023, dòng họ Bùi ở Thôn C, xã T, huyện T tổ chức giỗ tổ họ Bùi tại nhà Bùi Văn P ở Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Khoảng 22 giờ ngày 30/01/2023, sau khi uống rượu tại nhà P, Phạm Văn S là con cháu trong dòng họ Bùi ở thôn C, xã T nảy sinh ý định đánh bạc, S đi bộ ra cửa hàng tạp hoá nhà anh Nguyễn Văn T3 sinh năm 1976 ở thôn C, xã T mua một bộ bài chắn với giá 10.000 đồng mục đích để cùng anh em trong dòng họ đánh bạc. Trên đường đi mua bài S gặp Phạm Văn M1 là anh em trong dòng họ Bùi. Thấy S, M1 hỏi: “Mày đi đâu đấy ?” S nói: “Cháu ra lấy bộ bài về chơi rút bắt, ông sang đi” ý rủ M1 sang nhà P chơi “rút bắt” ăn tiền. Sau khi mua được bộ bài chắn S quay về nhà P thì thấy một số người trong dòng họ đến làm cỗ còn ngồi ở lại uống nước gồm: Bùi Văn P, Bùi Văn P1, Lê Văn R, Bùi Văn T2, Bùi Thị G. Lúc này, S lấy bộ bài chắn vừa mua được ra lọc lấy 38 quân bài chắn gồm: Nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu mỗi loại chọn ra 4 quân, riêng lá bài nhất S chọn ra 6 lá bài ký hiệu riêng bằng việc chấm

mực xanh lên các lá bài này. Sau khi lấy ra 38 lá bài, S rủ mọi người: “Chú cháu mình làm tý” ý rủ mọi người đánh bạc. P, P1, R, G, T2 đều đồng ý rồi đứng lên đi vào trong khu vực bếp của nhà P còn đi S lấy 01 (một) đĩa sứ ở khu vực làm cỗ rồi đi vào sau. Sau đó tất cả ngồi xuống chiếu đã được trải sẵn từ trước ở khu vực bếp nhà P và thống nhất với nhau đánh bạc bằng hình thức “rút bắt” ăn tiền. Hình thức đánh bắt ăn tiền là sử dụng 38 lá bài chắn gồm các quân nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu mỗi loại chọn ra 4 quân và 6 quân nhất. Các lá bài nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu tương đương với số điểm từ 1 đến 9. Sau khi xáo bài xong người cầm cái úp tất cả 38 lá bài lên trên đĩa sứ để người chơi lần lượt rút ngẫu nhiên các lá bài theo vòng đến khi rút hết các quân bài trên đĩa hoặc ngừng rút bài và so điểm với người cầm cái. Nếu người chơi rút từ 2 lá bài trở lên thì điểm của người chơi được tính bằng cách cộng điểm của tất cả các lá bài đã rút. Từ 5 điểm trở xuống và từ 11 điểm trở lên gọi là “bắt”. Nếu người chơi và người cầm cái đều “bắt” hoặc bằng điểm nhau thì là hoà, người đặt cược tiền sẽ không mất tiền cho người cầm cái. Nếu người chơi rút bài bị “bắt” mà người cầm cái có bài từ 6 đến 10 điểm thì người cầm cái thắng, người chơi bị mất toàn bộ số tiền đã cược cho người cầm cái. Ngược lại, nếu người cầm cái “bắt” mà người chơi rút bài có điểm từ 6 đến 10 điểm thì người cầm cái phải trả cho người chơi số tiền tương đương với số tiền người chơi đã cược. Nếu người chơi và người cầm cái đều có số điểm từ 6 đến 10 điểm thì so điểm với nhau, ai có điểm cao hơn thì thắng. Nếu bằng điểm nhau thì sẽ so theo chất của lá bài là Vạn, Sách, Văn để tính thắng thua. Nếu bài giống nhau thì hoà, lúc này người chơi không mất tiền đã cược và người cầm cái cũng không phải trả tiền cho người chơi. Trước khi bắt đầu chơi mỗi ván, mỗi người chơi phải bỏ ra số tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng đặt cược với người cầm cái xáo bài. Lúc này, S mang theo khoảng 3.000.000 đồng, P mang theo khoảng 1.600.000 đồng, P1 mang theo khoảng 750.000 đồng, R mang theo khoảng 1.500.000 đồng, G bỏ ra 1.200.000 đồng, T2 mang theo khoảng 700.000 đồng, M1 mang theo khoảng 3.500.000 đồng đều bỏ ra chơi “rút bắt” ăn tiền với nhau. Sau khi chơi được một lúc thì có Bùi Minh Q là họ hàng ở cùng thôn sang làm cỗ giỗ tổ. Thấy mọi người đang đánh bạc, Q bỏ tiền ra rồi nói với mọi người: “Cho cháu xin chân” ý xin mọi người cho đánh bạc cùng. Tất cả đều đồng ý và cho Q ngồi xuống chơi cùng. Cả bọn tiếp tục chơi được một lúc thì có Bùi Văn T cũng là con cháu họ Bùi ở cùng thôn dọn dẹp cỗ xong đi vào thấy trong bếp nhà P có đông người đang tụ tập, T đi vào xem rồi lấy tiền ra, nói “Cho tớ xin chân” và được mọi người đồng ý cho tham gia chơi cùng. Khoảng 23 giờ cùng ngày Phạm Văn M1 đến nhà P tham gia đánh bạc.

Khoảng 01 giờ 45 phút ngày 31/01/2023, khi T, R, P, P1, Q, S, T2, G, M1 đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện Trục Ninh bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ dưới thảm, chiếu tổng số tiền 6.085.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc, gồm: Thu dưới chiếu trước mặt T 850.000 đồng, trước mặt R 1.275.000 đồng, trước mặt P1 50.000 đồng, trước mặt và tại chỗ P ngồi 460.000 đồng, trước mặt S 960.000 đồng, trước mặt Q 300.000 đồng, trước mặt G 350.000 đồng, trước mặt T2 830.000 đồng, trước mặt M1 810.000 đồng và thu giữa chiếu số tiền 200.000 đồng (là tiền các đối tượng trích ra từ tiền đánh bạc để mua đồ ăn sáng).

Thu giữ trên người các đối tượng tổng số tiền 7.703.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc gồm: trên người M1 3.008.000 đồng, trên người Q 300.000 đồng, trên người S 2.900.000 đồng, trên người P1 25.000 đồng, trên người P 1.470.000 đồng.

Ngoài ra thu trên người G số tiền 3.705.000 đồng là tiền G dùng để mua, thuê các đồ gia dụng phục vụ lễ giỗ tổ G không sử dụng vào việc đánh bạc;

Thu giữ 04 điện thoại các loại, gồm: Thu của M1 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J8 màu vàng, thu của G 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A20S màu xanh, thu của P1 01 (một) điện thoại Redmi 6A màu vàng, thu của Q 01 (một) điện thoại Realme 3 màu xanh;

Ngoài ra còn thu giữ 01 (một) đĩa sứ màu trắng và 38 lá bài chắn là công cụ các đối tượng sử dụng để đánh bạc.

Quá trình lấy lời khai ban đầu xác định, Phạm Văn S có tiền sử bệnh tâm thần. Ngày 4/3/2023 CQ CSĐT Công an huyện Trục Ninh ra quyết định trưng cầu giám định số 06/QĐ-TCGD để xác định khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của Phạm Văn S tại thời điểm phạm tội và thời điểm giám định?

Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 168/KLGD ngày 07/6/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương xác định: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 30/01/2023 và ngày 31/01/2023 và tại thời điểm giám định đối tượng Phạm Văn S bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.0. Tại các thời điểm trên bệnh của đối tượng ở giai đoạn ổn định, đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) đĩa sứ màu trắng và 38 lá bài chắn là công cụ các đối tượng sử dụng để đánh bạc; số tiền 13.788.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc: chuyển Chi cục thi hành án dân sự chờ xử lý.

- Đối với số tiền 3.705.000 đồng thu giữ trên người Bùi Thị G là tiền Bùi Văn P đưa cho G ngày 30/01/2023 để G mua, thuê sắm sửa đồ lễ tế cho giỗ tổ dòng họ Bùi. Sau khi xác minh xác định G không sử dụng số tiền nêu trên vào việc đánh bạc: Cơ quan CSĐT đã trả lại số tiền nêu trên cho G.

- Đối với 04 (bốn) điện thoại gồm: 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J8 màu vàng của Phạm Văn M1, 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A20S màu xanh của Bùi Thị G, 01 (một) điện thoại Redmi 6A màu vàng của Bùi Văn P1, 01 (một) điện thoại Realme 3 màu xanh của Bùi Văn Q. Sau khi xác minh xác định G, M1, P1, Q không sử dụng các điện thoại nêu trên vào việc đánh bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại 04 điện thoại nêu trên cho G, M1, P1, Q.

- Đối với 82 lá bài chắn còn lại sau khi Phạm Văn S lọc ra bộ bài chắn theo S khai S vớt tại thùng rác nhà anh P. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Văn S, Bùi Văn T, Lê Văn R, Bùi Văn P, Bùi Văn P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1 đều khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 07 tháng 7 năm 2023 của VKSND huyện Trục Ninh, truy tố các bị cáo Phạm Văn S, Bùi Văn T, Lê Văn R, Bùi Văn P, Bùi Văn P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1 về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận xét ở trên, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX cụ thể như sau:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS, xử phạt Phạm Văn S từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS,

- Xử Phạt Bùi Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023).

- Xử phạt Bùi Văn P từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS, xử phạt Lê Văn R từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023).

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS, xử phạt Phạm Văn M1 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS.

- Xử phạt các bị cáo Bùi Minh P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023 (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ).

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Phạm Văn M1, Bùi Minh P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, vì các bị cáo đều là lao động thuần túy không có việc làm ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn gồm 38 quân bài đã cũ, đã qua sử dụng; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, đã cũ, đã qua sử dụng. Đường kính của đĩa khoảng 15cm, trên đĩa có in hoa văn hình bông hoa màu đỏ và vàng, giữa đĩa có hình cô Tiên. Tịch thu sung ngân sách nhà Nước tổng số tiền là 13.788.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra.

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Phạm Văn S, bà Phạm Thị O có ý kiến: S bị bệnh từ nhỏ, nhận thức hạn chế, đề nghị HĐXX; khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Văn S được cải tạo tại địa phương.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn S, ông Lê Ngọc V có ý kiến:

- Về tội danh: Nhất trí như Cáo trạng của Đại diện VKS nhân dân huyện Trục Ninh đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về hình phạt: Bị cáo Phạm Văn S là người có bệnh, bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi. Đề nghị HĐXX; Khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Văn S được hưởng mức án thấp nhất cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Trục Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản ghi lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 1h30' ngày 31/01/2023, tại nhà ở của Bùi Văn P ở Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, các bị cáo: Phạm Văn S, Bùi Văn T, Lê Văn R, Bùi Văn P, Bùi Văn P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi “rút bắt” ăn tiền với tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 13.788.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng*). Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh đã truy tố đối với các bị cáo.

[3] Về vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn với vai trò ngang nhau; Bị cáo Phạm Văn S là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, rủ các đối tượng khác đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc xếp thứ nhất. Bùi Văn T, Lê Văn R, Bùi Văn P, Bùi Văn P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1 là những người trực tiếp tham gia đánh bạc nên xếp thứ hai.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải):

Các bị cáo: Phạm Văn S, Bùi Văn P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1,

khoản 2 Điều 51 BLHS (phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình khó khăn đã được chính quyền địa phương xác nhận).

Bị cáo Phạm Văn S là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lê Văn R được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo: Bùi Văn P, Bùi Văn T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS (hoàn cảnh gia đình khó khăn đã được chính quyền địa phương xác nhận).

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo; HĐXX xét thấy: Các bị cáo Phạm Văn S, Bùi Văn T, Lê Văn R, Bùi Văn P, Bùi Văn P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1 đều là người lao động phạm tội có tính chất bột phát, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc không lớn, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy về hình phạt, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đảm bảo việc giáo dục cải tạo các bị cáo.

[6] Vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn gồm 38 quân bài đã cũ, đã qua sử dụng; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, đã cũ, đã qua sử dụng. Đường kính của đĩa khoảng 15cm, trên đĩa có in hoa văn hình bông hoa màu đỏ và vàng, giữa đĩa có hình cô Tiên. Tịch thu sung ngân sách nhà Nước số tiền 13.788.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc đã thu giữ trong quá trình điều tra.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo .

[7] Về án phí: Đối với bị cáo R là người cao tuổi không có đơn đề nghị nên cùng các bị cáo khác đều phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn S, Bùi Văn T, Lê Văn R, Bùi Văn P, Bùi Văn P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS, xử phạt Phạm Văn S 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/8/2023

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS;

- Xử phạt Bùi Văn T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/8/2023 (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023).

- Xử phạt Bùi Văn P 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/8/2023 (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023).

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm o, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS, xử phạt Lê Văn R 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/8/2023. (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023),

Giao các bị cáo Phạm Văn S, Bùi Văn T, Lê Văn R, Bùi Văn P, cho chính quyền địa phương xã Trục Đại, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

1.4 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS;

- Xử phạt bị cáo Bùi Minh P1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023 là 09 ngày (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành là 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Bùi Minh Q 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023 là 09 ngày (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành là 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn T2 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023 là 09 ngày (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành là 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị G 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023 là 09 ngày (một ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành là 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

1.5 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS, xử phạt Phạm Văn M1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023 là 09 ngày (một

ngày tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành là 14 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Bùi Minh P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1 được tính từ ngày cơ quan giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Bùi Minh P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1 cho chính quyền địa phương xã Trục Đại, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo cải tạo không giam giữ là Bùi Minh P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G, Phạm Văn M1, vì các bị cáo không có việc làm ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

2. Vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung ngân sách nhà Nước số tiền 13.788.000 đồng CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh gửi tại tài khoản tạm gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh 3949.0.1055173.00000 (Theo ủy nhiệm chi lập ngày 11/7/2023); Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài chắn gồm 38 quân bài đã cũ, đã qua sử dụng; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, đã cũ, đã qua sử dụng. Đường kính của đĩa khoảng 15cm, trên đĩa có in hoa văn hình bông hoa màu đỏ và vàng, giữa đĩa có hình cô Tiên (Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng số 51/THA ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh).

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Phạm Văn S, Bùi Văn T, Lê Văn R, Bùi Văn P, Phạm Văn M1, Bùi Văn P1, Bùi Minh Q, Bùi Văn T2, Bùi Thị G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, các bị cáo có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu